TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2024
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Lê Văn Toàn
2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Thư ký Tòa án nhân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 567/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1995
Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Trần Thị Đ, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Đình T, tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2019 ngày 26/06/2019. Trong quá trình chung sống bà và ông T không hợp nhau thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. M ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau.

Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu nay. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Đình T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Phát L, sinh 25/12/2019.

Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên Tòa bị đơn ông Nguyễn Đình T vắng mặt.*

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố F, phường Đ, thành phố P, Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà Đ yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung giao 01 con chung tên Nguyễn Tấn Phát L cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ chưa yêu cầu ông T góp phí tổn nuôi con.Về tài sản chung và nợ chung bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông T có nơi cư trú tại Khu phố F, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Đình T là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2019 ngày 26/06/2019. Trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông T phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T. Khi Tòa án thông báo cho ông T biết việc bà Đ xin ly hôn với ông nhưng ông T vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông T chứng tỏ, ông T đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2019 ngày 26/6/2019. Qua tự khai và phần trình bày của bà Đ tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà Đ và ông T không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà Đ và ông T hiện đã sống ly thân từ lâu nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình T là hoàn toàn chính đáng .Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà Đ thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên yêu cầu xin ly hôn của bà Đ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Đình T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Phát L, sinh 25/12/2019.

Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Giao 1 con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 3. Điểm a khoản 5 Điều 27. Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ được ly hôn ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Phát L, sinh 25/12/2019.

Giao 01 con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001325 ngày 06/3/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu. Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Quyền kháng cáo bản án của bà Trần Thị Đ là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2024). Quyền kháng cáo của ông Nguyễn Đình T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THA dân sự TP.Phan Thiết;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng